

Số: 101/BC-STP

An Giang, ngày 16 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 488/SNNPTNT-CCPTNT ngày 26/3/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 1 dự thảo Quy định như sau:

“Quy định này quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang.”

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (gọi chung là làng nghề) được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn.

II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Điều 23 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP quy định:

“Điều 23. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại địa phương; rà soát các văn bản quy định của địa phương phù hợp với quy định tại Nghị định này; xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, quy định mức chi và bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.”

Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên....”.

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang là ***cần thiết và đúng thẩm quyền***.

III. Dự thảo Quyết định

Về cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Quyết định, tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý sự cần thiết của việc sử dụng căn cứ: “*Căn cứ Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang*” tại căn cứ ban hành dự thảo Quyết định.

IV. Dự thảo Quy định

1. Khoản 3 Điều 4

Đề nghị điều chỉnh thứ tự các Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu cơ sở đề quy định nội dung:

“3.4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ kế hoạch, chương trình, dự án chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào trong 5 năm qua kể từ khi nhận hỗ trợ.”. Đồng thời, rà soát sự trùng lặp của quy định này so với quy định tại Khoản 3 Điều 13 dự thảo.

2. Điều 5

Đề nghị làm rõ cụm từ “*...di dời ra khỏi khu dân cư đến cum, địa điểm quy hoạch ngành nghề nông thôn.*”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý việc dẫn chiếu nội dung tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND, do đây là nội dung dẫn chiếu mức hỗ trợ áp dụng tương đương tại Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND. Các điều kiện khác áp dụng theo dự thảo Quy định.

3. Điều 7

Điểm a, b Khoản 2 Điều 7 dự thảo quy định:

“2. Mức hỗ trợ: Cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Khoản 1 Điều này được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các ngành nghề nông thôn các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở áp dụng tại Điểm a Khoản 3 Điều 9

Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

b) Chi 100% chi phí: Thuê mặt bằng trình diễn sản phẩm; tổ chức hội thi; ăn nghỉ, đi lại đối với nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này. Mức hỗ trợ sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể theo quy mô từng thời điểm áp dụng tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết của quy định:

“... áp dụng tại Điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

.... áp dụng tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.” tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 7 dự thảo. Việc quy định nội dung trên là không cần thiết. Trường hợp cần thiết giải trình cơ sở áp dụng, cơ quan soạn thảo có thể giải trình tại Tờ trình dự thảo Quyết định.

4. Điều 8

Điều 8 dự thảo quy định nội dung, định mức hỗ trợ về khoa học công nghệ, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý: Để thuận tiện cho việc áp dụng văn bản ở địa phương, cơ quan soạn thảo có thể dẫn chiếu các quy định hỗ trợ liên quan đến nội dung này tại dự thảo Quy định. Ngược lại, trường hợp không quy định nội dung mới, chỉ lặp lại quy định của trung ương, đề nghị cơ quan soạn thảo áp dụng hình thức dẫn chiếu quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

5. Điều 9, Điều 10

Rà soát sự cần thiết của quy định tại Khoản 2 Điều 9 dự thảo:

“... áp dụng quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.”. Trường hợp cần thiết giải thích cơ sở áp dụng, cơ quan soạn thảo có thể giải trình tại Tờ trình dự thảo Quyết định.

Tương tự, đề nghị rà soát quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 10. Đồng thời, bổ sung cho rõ nghĩa cụm từ tại Khoản 3 Điều 10 dự thảo: “...tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang thì không được hỗ trợ tại Điều.”.

Điều chỉnh cụm từ “**Điều 10:**” thành “**Điều 10.**”.

6. Điều 11

- Chương III dự thảo quy định chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, tuy nhiên chỉ có một Điều 11 về hỗ trợ phát triển làng nghề. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo không thiết kế nội dung này thành 1 Chương riêng.

- Khoản 1 Điều 11, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết của nội dung “...áp dụng tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.”.

Đồng thời, tại Khoản 1 Điều 11 dự thảo quy định: “1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận mới đạt tiêu chí theo quy định...”. Đối với các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận trước ngày Nghị định 52/2018/NĐ-CP có hiệu lực nhưng đạt tiêu chuẩn tại Nghị định này thì xử lý như thế nào, có được hưởng chính sách hỗ trợ hay không.

- Khoản 2 Điều 11 quy định: “2. Các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt tiêu chí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, khi xây dựng biển quảng bá, cổng làng nghề gồm biển hiệu, vật liệu xây dựng kiên cố được hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/làng nghề cho Ủy ban nhân dân xã.”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu cơ sở để quy định đối tượng được hỗ trợ là Ủy ban nhân dân xã.

7. Điều 12

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh hình thức trình bày của Điều 12 dự thảo Quy định đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Không in đậm các Khoản, không in nghiêng nội dung trong ngoặc đơn; Đối với Khoản 1, 8, 14, 15 đề nghị thiết kế nội dung tại các Khoản này thành các Điểm theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt.

Đề nghị rà soát lại lỗi chính tả trong toàn bộ nội dung dự thảo.

V. Ý kiến đề xuất

- Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ chính sách với Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành dự thảo Quyết định.

- Dự thảo Tờ trình: Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên gọi theo mẫu 03 Phụ V Nghị định 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn